

Bản án số: 101^a/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Nhân**

2. Bà **Lý Thúy Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Thuý Tĩnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/HNGĐ-ST, ngày 10/3/2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị D**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh T

** Bị đơn:* Anh **Lê S**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh T;

Hiện anh S đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam T, Bộ Công an.

Chị Đỗ Thị D và anh Lê S đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI D V U Á N

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày:

Chị và anh Lê S đăng ký kết hôn ngày 07/3/2011 tại UBND thị trấn B, huyện S (nay là UBND phường Đ, thành phố T), tỉnh T trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại phường Đ, thành phố T. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh S ngoại tình và vi phạm pháp luật nên tình cảm vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Hiện nay anh S đang phải chấp hành án phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Trại giam T, Bộ Công an, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, thể hàn gắn được nên chị gửi đơn xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê S.

Về con chung: Chị Đỗ Thị D xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012, hiện cháu V đang ở cùng với chị D. Chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được quyền nuôi con chung sau ly hôn và chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh S đang phải chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê S trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND thị trấn B, huyện S (nay là UBND phường Đ, thành phố T), tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại phường Đ, thành phố T. Do anh là người nghiện ma túy nên không giúp gì được cho vợ con, vì vậy tình cảm vợ chồng có nhiều sút mẻ. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam T, Bộ công an về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị D có 01 con chung tên là Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012, hiện cháu V đang ở cùng với chị D.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh S đang chấp hành án nên không thể đến Toà án tham gia tố tụng được nên anh S có đơn xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án (có xác nhận của Trại giam T). Do đó, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lê S; về con chung: Chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012 sau ly hôn và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê S đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D về việc xin ly hôn anh Lê S.

Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Đỗ Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 10/3/2020 Toà án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê S nhưng anh S đang chấp hành án tại trại giam T, bộ Công an nên anh S không đến Toà án tham gia tố tụng được. Anh S đã nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S mắc tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật, hiện nay anh S đang phải chấp hành án tại Trại giam T, Bộ công an về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh S nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị D. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D xin ly hôn anh Lê S.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S có 01 con chung là Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012. Hiện nay cháu Vũ đang ở cùng chị D, anh S đang phải chấp hành án nên giao cháu Vũ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị D không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Lê S.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Đỗ V, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Đỗ Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000293 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T. Chị D đã nộp đủ án phí. Anh Lê S không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D và anh Lê S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP. T (02 bản);
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

